

MOONLIGHT OVER THE LOTUS POND FROM CULTURAL PRESPECTIVE**Phung Phuong Nga**

TNU - University of Sciences

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	01/6/2024	The paper studies the prose piece <i>Moonlight over the Lotus Pond</i> (excerpt) by the author Chu Tu Thanh (under the section “Expanding Genre Reading” in the Literature Textbook for Grade 11, Volume 1, The Horizon of Creativity series, Vietnam Education Publishing House, 2023) from a cultural perspective, focusing on two aspects: aesthetic symbolism and visual signals. Regarding aesthetic symbols, the article chooses to examine the moon/moonlight symbol (associated with the lotus pond scene), this symbol is reflected in a network of visual signals, creating a harmonious picture, both static and dynamic, both real and blurred. Based on the interdisciplinary approach, cultural studies methodology, cultural semiotics, and textual analysis, the article aims to elucidate the hidden cultural imprints beneath the linguistic surface of the work, thereby decoding its value while enhancing students’ aesthetic appreciation and cultural understanding. Through this approach, readers can “begin to grasp cultural codes” (Nguyen Linh Chi, 2017) in their own unique way.
Revised:	24/7/2024	
Published:	24/7/2024	
KEYWORDS		
Symbolism		
Signs		
Visual signals		
<i>Moonlight over the Lotus Pond</i>		
Chu Tu Thanh		

TRĂNG SÁNG TRÊN ĐẦM SEN TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA**Phùng Phương Nga**

Trường Đại học Khoa học - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	01/6/2024	Bài viết nghiên cứu Tản văn <i>Trăng sáng trên đầm sen</i> (trích) của tác giả Chu Tự Thanh (Mục “Đọc mở rộng theo thể loại” trong Sách giáo khoa Ngữ văn 11, tập 1, bộ sách Chân trời sáng tạo, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2023) từ góc nhìn văn hóa, trong đó tập trung vào hai phương diện: biểu tượng thẩm mỹ và các tín hiệu thị giác. Về biểu tượng thẩm mỹ, bài viết chọn khảo sát biểu tượng trăng/ánh trăng (gắn với khung cảnh đầm sen); biểu tượng này được soi chiếu trong mạng lưới các tín hiệu thị giác, đem lại một bức tranh hài hòa, vừa tĩnh lại vừa động, vừa chân thực vừa mờ ảo. Trên cơ sở vận dụng phương pháp liên ngành, phương pháp tiếp cận văn hóa học, kí hiệu học văn hóa cùng thao tác khảo sát, phân tích văn bản, bài viết hướng tới kiến giải các dấu ấn văn hóa ẩn tàng dưới lớp vỏ ngôn ngữ của tác phẩm, từ đó giải mã giá trị tác phẩm, đồng thời giúp trau dồi năng lực thẩm mỹ và hiểu biết văn hóa cho học sinh phổ thông. Từ cách tiếp cận này, người đọc có thể “bắt đầu tiếp nhận những mã văn hóa” (Nguyễn Linh Chi, 2017) theo cách riêng của mình.
Ngày hoàn thiện:	24/7/2024	
Ngày đăng:	24/7/2024	
TỪ KHÓA		
Biểu tượng		
Kí hiệu		
Tín hiệu thị giác		
Trăng sáng trên đầm sen		
Chu Tự Thanh		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.10508>

Email: ngapp@tnus.edu.vn

<http://jst.tnu.edu.vn>

1. Giới thiệu

Chu Tự Thanh (朱自清) (1898 - 1948), là tác giả tản văn, nhà thơ, học giả và nhà đấu tranh dân chủ hiện đại Trung Quốc. Ông tên thật là Tự Hoa (自华), hiệu Thực Thu (实秋), đến khi vào đại học lấy tên là Tự Thanh. Chu Tự Thanh sinh ở huyện Đông Hải, tỉnh Giang Tô, sau đó cùng cha định cư ở Dương Châu.

Trăng sáng trên đầm sen (荷塘月色) được viết trong thời gian ông đang giảng dạy tại Đại học Thanh Hoa, xuất bản lần đầu trong *Tiểu thuyết hàng tháng* (小说月报), tập 18, số 7, năm 1927, về sau được tập hợp trong *Toàn tập Chu Tự Thanh* (朱自清全集). Đây là một trong những tác phẩm tiêu biểu ban đầu của văn xuôi Trung Quốc hiện đại.

Ngay từ những năm 80 của thế kỉ XX, *Trăng sáng trên đầm sen* của Chu Tự Thanh đã được biết đến rộng rãi khi được đưa vào sách giáo khoa tiếng Trung bậc trung học cơ sở ở Trung Quốc đại lục và Hồng Kông.

Tại Việt Nam, *Trăng sáng trên đầm sen* xuất hiện lần đầu trong tập *Những câu chuyện đi cùng năm tháng*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, năm 2014. Việc tác phẩm này được chọn vào chương trình Ngữ văn lớp 11 (Bộ Sách giáo khoa Chân trời sáng tạo) [1, tr. 21-22], theo chúng tôi, đã bổ sung thêm nguồn tư liệu văn học Trung Quốc cho học sinh bậc phổ thông bên cạnh những tác phẩm quen thuộc trước đó như thơ Đường hay sáng tác của Lỗ Tấn, mặt khác giới thiệu cho độc giả trong nước một tác giả Tản văn có vị trí quan trọng trong tiến trình phát triển văn học Trung Quốc hiện đại.

Ấn tượng trực quan mà *Trăng sáng trên đầm sen* đem lại cho người đọc là vẻ đẹp tự nhiên và lãng mạn của đầm sen trong đêm trăng được thể hiện bằng một ngôn ngữ mới mẻ và tao nhã. Nhưng đằng sau những hình ảnh tinh tế và sinh động của cảnh quan trong tác phẩm, lần lượt là niềm khao khát cái đẹp và nỗi thất vọng về hiện thực đen tối mà tác giả khéo léo xếp đặt qua các lớp văn bản.

Dù dung lượng nhỏ nhưng *Trăng sáng trên đầm sen* đã sớm thu hút mối quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu và độc giả. Khảo sát sơ lược của chúng tôi cho thấy, những năm 1990, văn bản *Trăng sáng trên đầm sen* trong chương trình dạy tiếng Trung ở trường trung học cơ sở đã trở thành “tâm điểm” của những tranh cãi xung quanh chủ đề, hình ảnh và cách sử dụng phép ẩn dụ. Tuy vậy, từ đầu đầu thế kỉ XXI, những tranh cãi này dần được “hoà giải” [2], thay vào đó là những nghiên cứu từ góc độ khoa học, chẳng hạn: các nghiên cứu từ góc độ thẩm mỹ tự nhiên tập trung phân tích cách trình bày vẻ đẹp thiên nhiên của đầm sen và ánh trăng, đồng thời chỉ ra nội hàm và ý nghĩa của cách trình bày đó [3], [4]; một số bài viết khai thác *Trăng sáng trên đầm sen* từ góc độ tu từ học, kĩ thuật dòng ý thức hoặc vẻ đẹp nữ tính, đặc biệt là từ góc độ biểu tượng (biểu tượng trăng [5], [6]). Các nghiên cứu này đã mở ra những kiến giải phong phú, đa chiều về ý nghĩa biểu tượng của trăng/ánh trăng trong sáng tác của Chu Tự Thanh, chúng tôi cũng soi chiếu đến các nghiên cứu về trăng trong truyền thống văn hóa Trung Hoa nói chung nhằm mở rộng khả năng giải đọc văn bản *Trăng sáng trên đầm sen* từ góc nhìn văn hóa [7] - [9].

Trăng sáng trên đầm sen cũng trở thành đối tượng của các nghiên cứu so sánh, trong đó đáng chú ý nhất là so sánh các bản dịch tản văn này sang tiếng Anh [10] - [12].

Những năm gần đây, tại Trung Quốc, việc giảng dạy tác phẩm *Trăng sáng trên đầm sen* cho học sinh phổ thông rất được chú ý, thể hiện qua một số bài viết thảo luận về mô hình dạy văn xuôi thông qua bốn bước: đọc qua văn bản, đọc lại văn bản, đọc kĩ văn bản và nghiên cứu văn bản [13]. *Trăng sáng trên đầm sen* cũng được chọn làm ví dụ điển hình cho các phân tích về phương diện ngôn ngữ, phong cách [14].

Mặc dù việc đọc và diễn giải *Trăng sáng trên đầm sen* đã có những thay đổi theo thời gian và xuất hiện nhiều giả thuyết khác nhau, nhưng về cơ bản các nghiên cứu đều thống nhất thừa nhận

ý nghĩa thẩm mỹ của tác phẩm, đặc biệt là sự lôi cuốn diệu kì của bức tranh thiên nhiên. *Trăng sáng trên đầm sen* không chỉ tái hiện được vẻ đẹp của đầm sen dưới ánh trăng, mà còn cho thấy vẻ đẹp trong ngôn ngữ, cấu trúc và cảm xúc. Đây cũng là những nội dung cơ bản được trình bày trong quá trình giảng dạy văn bản *Trăng sáng trên đầm sen* cho học sinh phổ thông Việt Nam. Trên cơ sở tiếp thu kết quả nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước, đồng thời dựa trên thực tiễn tiếp nhận văn bản, bài viết của chúng tôi chọn nghiên cứu trích đoạn tản văn này từ góc nhìn văn hóa nhằm đem lại những kiến giải thú vị với những dấu ấn văn hóa rất rõ nét trong tác phẩm, trong đó tập trung vào hai phương diện: biểu tượng thẩm mỹ và các tín hiệu thị giác.

Gần đây, hướng nghiên cứu biểu tượng từ kí hiệu học văn hóa đã thu hút được sự quan tâm của giới nghiên cứu Việt Nam. Khá nhiều công trình dịch về biểu tượng, biểu tượng từ góc nhìn kí hiệu học văn hóa [15] - [17] hoặc thực hành nghiên cứu về biểu tượng [18], [19] được giới thiệu, một mặt cho thấy sự hiện diện phong phú của biểu tượng trong đời sống văn hóa, mặt khác chỉ rõ, để hiểu được văn hóa một dân tộc (tộc người) cần hiểu hệ thống biểu tượng của nó [17, tr.9]. Ở đây, việc kiến giải *Trăng sáng trên đầm sen* của Chu Tự Thanh từ góc nhìn văn hóa, theo chúng tôi, còn cho thấy tính khả thi trong định hướng tiếp nhận các tác phẩm văn học Trung Quốc trong quá khứ dưới sự soi chiếu của các lý thuyết văn học hiện đại.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện nghiên cứu này, chúng tôi chủ yếu dựa trên quan điểm của Iu.Lotman, R.Jakobson [16], [17], [19]. Các phương pháp nghiên cứu chính gồm phương pháp tiếp cận kí hiệu học, văn hóa học, phương pháp nghiên cứu liên ngành. Trong đó, phương pháp nghiên cứu liên ngành được sử dụng nhằm phối hợp các tri thức và cách thức nghiên cứu của triết học, tôn giáo, lịch sử, nhân loại học, văn hóa học... từ đó giải thích văn học bằng các hệ tư tưởng có liên quan; thực hành cách phân tích diễn ngôn và cách “đọc” liên văn bản. Phương pháp tiếp cận kí hiệu học, văn hóa học được vận dụng để tìm hiểu dấu ấn của văn hóa qua biểu tượng thẩm mỹ và tín hiệu thị giác, trên cơ sở đó, định giá về sự xuyên thấu của văn hóa trong việc cấu trúc tác phẩm tạo nên những tư tưởng nghệ thuật mang tầm nhìn văn hóa sâu sắc.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Biểu tượng thẩm mỹ

Thực chất, nghiên cứu biểu tượng không phải là khía cạnh mới trong việc tiếp cận văn bản *Trăng sáng trên đầm sen*, nhưng là khía cạnh quan trọng nhằm làm sáng tỏ nội hàm của tác phẩm cũng như quan niệm thẩm mỹ, tâm sự thời thế của tác giả Chu Tự Thanh.

Cho đến nay, tồn tại rất nhiều quan niệm về biểu tượng. Sự đa dạng, sinh động của biểu tượng được Jean Chevalier và Alain Gheerbrant hình dung như sau: “Nói là chúng ta sống trong một thế giới biểu tượng thì vẫn còn chưa đủ, phải nói một thế giới biểu tượng sống trong ta” [15, tr.XIV]. Nhằm tạo cơ sở lí luận cho nghiên cứu, ở đây, chúng tôi lựa chọn cách hiểu biểu tượng theo quan điểm của Iu.Lotman [16]. Chính tác giả này cũng thừa nhận “Từ ‘biểu tượng’ (symbol) là một trong những từ nhiều nghĩa nhất trong hệ thống các khoa học về kí hiệu” [16, tr.218], vì vậy ông không đưa ra một định nghĩa phổ quát về biểu tượng, nhưng về cơ bản, theo Lotman, biểu tượng là một kí hiệu đặc biệt, nó có tính nước đôi, tức vừa là cái mà nó biểu hiện vừa là một cái gì khác. Biểu tượng có thể từ môi trường này đi vào môi trường kí hiệu khác [17, tr.63]. Tuy vậy Lotman cũng lưu ý đến “tính đa dạng vô cùng của các biến thể khi nó thâm nhập vào các văn bản cùng thời hoặc thời sau” [17, tr.63-71]. Như vậy có nghĩa là việc đọc giải biểu tượng luôn đòi hỏi sự linh hoạt. Trong văn học, biểu tượng cũng là hình ảnh, hình tượng nghệ thuật như biểu tượng trong các nghệ thuật khác, nhưng nó được tạo nên không phải bằng các chất liệu tự nhiên (gỗ, đá, bột màu,...) mà bởi ngôn ngữ của con người. Do vậy, biểu tượng trong văn học luôn có cấu trúc phức tạp hơn, nội dung phong phú hơn và trường diễn giải rộng hơn [17, tr.39].

Không khó để nhận thấy hai hình ảnh - biểu tượng trong *Trăng sáng trên đầm sen* là hoa sen và trăng. Đó cũng là hai biểu tượng quen thuộc trong truyền thống văn hóa Trung Hoa. Trở lại

với tiểu sử của Chu Tự Thanh. Ông vốn xuất thân trong một gia đình học giả, từ nhỏ đã nhận được sự giáo dục nghiêm khắc của người cha. Khi trưởng thành, ngoài hoạt động sáng tác, Chu Tự Thanh còn tham gia giảng dạy và nghiên cứu văn học Trung Quốc. Cuốn *经典常谈 (Bàn về kinh điển)* (1943) do ông biên soạn giới thiệu kiến thức cơ bản về văn học và kinh điển quan trọng của Trung Quốc cổ đại cho thấy kiến văn của ông về lĩnh vực này. Qua đó có thể lý giải vì sao Chu Tự Thanh đưa biểu tượng hoa sen và trăng vào trong tác phẩm của mình. Trong giới hạn của một bài viết nhỏ, xin nói về biểu tượng trăng nhằm khám phá những hàm ý tinh tế trong văn bản cũng như những suy tưởng sâu xa trong tâm hồn tác giả.

Đối với người Trung Quốc, mặt trăng có một vị thế độc tôn, là yếu tố nuôi dưỡng tình cảm và tâm hồn của họ. Người ta đã quá quen với vẻ đẹp dưới trăng, nổi nhớ dưới trăng, lời từ biệt dưới trăng, ngắm trăng nhớ người thân, nhớ quê hương, nhớ về quá khứ hay nhìn trăng nghĩ về nỗi cô đơn của cá nhân. Nhiều bài thơ đã lấy trăng làm hình mẫu thẩm mỹ độc đáo [7]. Chẳng hạn bài *Tĩnh dạ tứ (Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh)* của Lý Bạch¹:

Đầu giường ánh trăng rọi,
Ngõ mặt đất phủ sương.
Ngẩng đầu nhìn trăng sáng,
Cúi đầu nhớ cố hương.

Theo tác giả Trịnh Hà Quyên (郑霞娟), thống kê trên bản gốc chữ Hán *Trăng sáng trên đầm sen* cho kết quả: có tổng cộng 1.360 từ, trong đó “trăng” xuất hiện 11 lần [5], cụ thể:

- Lần đầu: Trăng đầy đặn (sân, khởi hành)
- Lần thứ 2: Ánh trăng mờ nhạt (con đường nhỏ)
- Lần thứ 3: Một người một mình dưới trăng (trên đường)
- Lần thứ 4: Trăng dưới đầm sen (bên cạnh đầm sen)
- Lần thứ 5: Ánh trăng như nước chảy, không sáng tỏ, ánh trăng chiếu xuyên qua hàng cây, ánh trăng không đều (bên đầm sen)
- Lần thứ 6: Ánh trăng lọt qua kẽ hở (khắp các bờ đầm sen)
- Lần thứ 7, 8, 9, 10, 11: Hái sen (hội, nhớ nhà)

Dựa trên cách hiểu của Lotman về biểu tượng thì mặt trăng trong tự nhiên (hình ảnh vật chất) là cái biểu đạt; mặt trăng trong tâm trí tác giả - là cái được biểu đạt. Hình ảnh trăng trong tâm trí tác giả mang những cảm xúc chủ quan trong trần thuật thời gian và không gian của văn bản, đã trở thành sáng tạo biểu tượng nghệ thuật của cá nhân tác giả [5].

Biểu tượng “trăng” ở đây trước hết kế thừa những ý nghĩa truyền thống trong văn hóa Trung Quốc, gắn với cảm xúc dưới trăng, con đường dưới trăng, liên tưởng dưới ánh trăng, nỗi cô đơn dưới trăng. Nhưng biểu tượng trăng đồng thời cũng được “cá nhân hóa” khi tác giả truyền tải những suy nghĩ phức tạp của mình qua ánh trăng. Đặc biệt ánh trăng được Chu Tự Thanh mô tả không phải là trăng sáng vốn rất quen thuộc trong nhiều sáng tác văn chương Trung Quốc, mà là “Tuy vàng trăng đầy đặn, nhưng bầu trời vẫn bị lớp mây mỏng che phủ, cho nên không được sáng tỏ cho lắm. Nhưng tôi cảm thấy như vậy là vừa phải - ngủ say là việc không thể thiếu được, nhưng chợp mắt cũng cảm thấy dễ chịu khác thường” [1, tr.22]. Rõ ràng đây là ánh trăng mang tính tâm lý, phù hợp với cảm nhận của người ngắm trăng. Cũng qua ánh trăng, Chu Tự Thanh thể hiện một cách tinh tế quan niệm thẩm mỹ của mình: “Ánh trăng trên đầm sen không đồng đều, thế nhưng giữa ánh sáng và hình bóng tạo nên một giai điệu hài hòa” [1, tr.22]. Đó cũng chính là điểm nổi bật nhất trong cách sử dụng hình ảnh trăng của tác giả khi đem lại cảm giác “thẩm mỹ trung tính” [5] về sự đối lập và hài hòa. Tác giả coi hài hòa là cốt lõi của vẻ đẹp tự nhiên; và “tự nhiên” được thể hiện qua vẻ đẹp hài hòa của ánh trăng trong đầm sen là một trạng thái lý tưởng, chủ thể trữ tình cảm nhận và tận hưởng vẻ đẹp trong trạng thái lý tưởng hài hòa đó.

Người đọc khi tiếp nhận văn bản không chỉ quan sát được cảnh sắc đầm sen trong đêm trăng với vẻ đẹp thơ mộng, mà còn ít nhiều cảm nhận được những tâm tư sâu kín của người trí thức

¹ Từng được đưa vào Sách giáo khoa Ngữ Văn lớp 7, tập 1.

trước thời cuộc: “Ánh trắng như nước chảy, lặng lẽ chảy trên chiếc lá và bông hoa này. Một làn sương xanh mỏng trôi trong ao sen. Lá và hoa dường như được rửa sạch trong sữa; cũng giống như một giấc mơ được che trong tấm màn che” [1, tr.22]. Cách mô tả “giấc mơ được che trong tấm màn che” là lối diễn đạt duyên dáng những nỗi niềm riêng tư, cảm giác bất mãn với hiện thực, khao khát tự do, mong muốn vượt lên trên hiện thực. Ánh trắng ở đây như là sự trình hiện một cách uyển chuyển sự chuyển động trong tâm trí của nhân vật trữ tình “tôi”: Tôi bắt đầu đi ra ngoài bằng tâm trạng “bồn chồn không yên”. Sau đó tìm thấy sự bình yên tạm thời nơi đầm sen và cuối cùng trở về từ sự tĩnh lặng. Đó có thể hình dung như một dạng cấu trúc vòng tròn để đạt đến sự ổn định trong tâm tưởng. Dưới ánh trắng nơi đầm sen, tác giả đã chạm đến trạng thái tự do tinh thần tuyệt đối: “Tôi cảm thấy đất trời này là thuộc về tôi; tôi dường như đã thoát khỏi bản thân vào lúc bình thường, như bước vào một thế giới khác hẳn. Như trong đêm nay, một mình đi dưới ánh trắng mờ mờ, tôi có thể suy tư bất cứ điều gì, và cũng có thể không suy nghĩ gì cả, thế là tôi cảm thấy mình là con người tự do. Ban ngày có những việc bắt buộc phải làm, những điều bắt buộc phải nói, thì lúc này đây, có thể bỏ mặc tất cả. Đây chính là cái hay của lúc đơn độc một mình; tôi có thể tận hưởng khung cảnh trắng sáng đầm sen trước mắt” [1, tr.21]. Theo Trần Giai Nghệ, đây là một kiểu tách rời cảm xúc tạm thời và sự tôn vinh vẻ đẹp thuần khiết. Đặt trong thế đối lập với “văn minh” (có những việc bắt buộc phải làm, những điều bắt buộc phải nói), “tự nhiên” ở đây trở thành biểu tượng của “tự do” (có thể bỏ mặc tất cả). Chu Tự Thanh tìm kiếm “tự do” quý giá dưới ánh trắng trên đầm sen như là một kiểu phản ứng với sự thiếu tự do trong cuộc sống thực [3].

Đến cuối bài, ánh trắng lại trở về với ý nghĩa nguyên thủy khi Chu Tự Thanh viết về quê hương: “Bất chợt nhớ lại quang cảnh hái sen. Hái sen là tập tục của vùng Giang Nam đã có từ lâu, nhưng thịnh hành vào thời Lục Triều, có thể tìm hiểu đôi chút từ những vần thơ” [1, tr.22]. Đây chính là nỗi nhớ dưới trăng, gợi nhắc đến niềm mong mỏi đoàn tụ, như đã được đề cập ở trên.

Nhìn chung, biểu tượng trăng/ánh trắng trong *Trăng sáng trên đầm sen* một mặt bảo lưu những hàm nghĩa quen thuộc trong văn hóa truyền thống Trung Hoa - tức lưu giữ được “cái gì đó cổ xưa”, làm cho tác phẩm văn học liên kết chặt chẽ với văn hóa của một cộng đồng xã hội, một dân tộc” [17, tr.42], nhưng mặt khác, được trưng dụng nhằm “mã hóa điều nhà văn muốn nói về hiện thực” [17, tr.47]. Do vậy, nghiên cứu tác phẩm *Trăng sáng trên đầm sen* từ góc độ kí hiệu học văn hóa, theo chúng tôi là hoàn toàn thích hợp, nhằm khám phá các tầng sâu của văn bản, từ đó mở ra được “ý nghĩa đích thực của điều được viết ra” [17, tr.47].

3.2. Tín hiệu thị giác

Có thể nói, *Trăng sáng trên đầm sen* là tác phẩm gây ấn tượng thị giác mạnh mẽ, bất ngờ, đầy kích thích, khiến cho người đọc như đang hòa vào bức tranh phong cảnh trong trang văn của Chu Tự Thanh. Tác phẩm này, do vậy, khơi gợi cách diễn giải nội dung từ các tín hiệu thị giác, thính giác.

Bàn về tín hiệu thị giác và thị giác, R.Jacobson cho rằng, “Con người có thiên hướng coi mọi đối tượng rơi vào trường nhìn của mình là sự kích thích thị giác. Trong đời sống hằng ngày, việc sử dụng và phân biệt các tín hiệu - biểu số có tính thị giác lớn hơn nhiều so với các tín hiệu biểu số thính giác” [19, tr.357]. Đây cũng là đặc điểm của văn bản *Trăng sáng trên đầm sen*: tín hiệu thị giác chiếm “ưu thế” tuyệt đối trong các đoạn mô tả sen và ánh trắng. Bảng 1 là thống kê của chúng tôi về tần suất xuất hiện những từ ngữ mô tả vẻ đẹp của cảnh sắc đêm trăng.

Những thống kê này gắn với các tín hiệu thị giác, kích thích khả năng và hứng thú quan sát của người đọc. Theo R.Jacobson, tín hiệu thị giác được xác định “gắn kết trước hết với không gian”, trong khi các tín hiệu thính giác lại gắn kết với thời gian [19, tr.349]. Tính xác định của không gian và tính xác thực của sự vật được nhấn mạnh ngay từ tiêu đề “Trăng sáng trên đầm sen”: trăng trên đầm sen, đầm sen dưới trăng, khiến cho người đọc cảm nhận được sự chân thực, gần gũi. Có thể thấy, Chu Tự Thanh đã phác họa cảnh sắc đầm sen đêm trăng bằng những nét vẽ tỉ mỉ và những ẩn dụ tuyệt vời.

Bảng 1. Các tín hiệu thị giác trong “Trăng sáng trên đầm sen”

Kí hiệu	Từ ngữ/câu miêu tả
Đầm sen (hoa sen, lá sen)	- Lá sen nhô lên mặt nước - Trên mặt đầm sen quanh co uốn khúc là những tán lá sen san sát - Những bông sen màu trắng lốm đốm - Lá và hoa dường như có chút rung động, như tia chớp truyền khắp đầm sen - Có bông vừa dịu dàng hé nở, có bông còn e thẹn chúi chím, chún như những hạt ngọc châu, lại như những cánh sao trên bầu trời đêm thăm thẳm, hoặc lại như những cô gái xinh đẹp vừa tắm xong - Những tán lá sen như có vết rạn màu xanh - Dòng nước chảy lặng lẽ - Lớp sương mong mỏng phủ trên đầm sen - Lá sen và hoa sen như vừa được tắm gội bằng sữa bò, lại như được bao trùm trong giấc mộng bằng dải lụa mỏng
Trăng/ánh trăng	- Vàng trắng đang từ từ nhô lên - Ánh trăng mênh mang - Vàng trắng đầy đặn - Ánh trăng như nước chảy, lặng lẽ tỏa xuống mặt lá sen và hoa sen - Ánh trăng xuyên qua kẽ lá trên những rặng cây cao rọi xuống bóng lá cây màu đen loang lổ
Quanh đầm sen	- Dây núi xa xa lúc ẩn lúc hiện - Màu sắc của cây đều âm u, thoát nhìn như những làn khói - Ánh sáng của mấy ngọn đèn đường, nhưng trông có vẻ uể oải

Dưới đây sẽ phân tích một vài chi tiết của bức tranh thiên nhiên trong tản văn này trên cơ sở các tín hiệu thị giác được khảo sát ở trên và từ góc độ triết lý thẩm mỹ của tác giả:

Trước hết, các sự vật tự nhiên xuất hiện trong bức tranh gồm: Vàng trắng/ánh trăng, lá sen, hoa sen, nước, và các yếu tố xung quanh đầm sen. Những sự vật này được mô tả từ hình dạng, màu sắc, âm thanh, hương vị, trạng thái (động - tĩnh).

Ở đây gây ấn tượng thị giác mạnh nhất là hình ảnh “Lá sen nhô lên mặt nước rất cao, như là váy của nàng vũ nữ yêu kiều” [1, tr.22]. Cách mô tả này được một số tác giả coi là “nữ hóa hoa sen”. Lá sen được hình dung vừa qua hình dạng (như chiếc váy) vừa qua trạng thái chuyển động (nhô lên), khiến người đọc có thể tưởng tượng thấy cảnh những chiếc lá màu xanh lục tựa như những hình người đang nhảy múa. Tiếp đó là hình ảnh “Những bông sen màu trắng (...) như những cô gái xinh đẹp vừa tắm xong” [1, tr.22]. Đến đây, đóa sen đã được nữ tính hóa tối đa. Nhưng cũng bằng những tín hiệu thị giác, Chu Tự Thanh đã cô tình “làm mờ” những đóa sen đó bằng “Lớp sương mong mỏng phủ trên đầm sen”, “Lá sen và hoa sen như vừa được tắm gội bằng sữa bò, lại như được bao trùm trong giấc mộng bằng dải lụa mỏng” [1, tr.22], tạo nên một bức tranh tự nhiên nửa hư nửa thực, nửa thuần khiết nửa mờ ảo.

Quy tắc hội họa được áp dụng ở đây là đối xứng và cân bằng, tỉ lệ và quy mô, đa dạng và thống nhất, đặc biệt là hài hòa và tương phản. Đó là sự hài hòa và tương phản của màu sắc, chẳng hạn: “Những bông sen màu trắng lốm đốm tô điểm trên những lớp lá sen”; “chúng như những hạt ngọc châu, lại như những cánh sao trên bầu trời đêm thăm thẳm” [1, tr.22]; là sự hài hòa và tương phản của ánh sáng: “Tuy vàng trắng đầy đặn, nhưng bầu trời vẫn bị lớp mây mỏng che phủ” [1, tr.22]. Nghĩa là ngay cả sự đối lập vẫn có khả năng bổ sung cho nhau, khiến cho khung cảnh trở nên đầy màu sắc, hòa hợp, vừa sống động vừa yên tĩnh.

Vẻ đẹp của thiên nhiên trong *Trăng sáng trên đầm sen* còn gợi mở về nhịp điệu của sự sống khi được mô tả trong thể động, với sự xuất hiện của hàng loạt động từ (nhô, phủ, tỏa, xuyên qua, chảy, rọi, che phủ, nở). Tính động của cảnh vật tiếp tục được nhấn mạnh với chi tiết: “Một làn gió nhẹ thổi qua, đưa hương thơm man mác, thoang thoảng như tiếng hát trên tòa nhà cao tầng từ xa vọng tới. Giây phút này, lá và hoa dường như có chút rung động, như tia chớp truyền khắp đầm sen trong nháy mắt” [1, tr.22]. Ở đây, tác giả đã sử dụng thành công phép tu từ đồng

cảm², đòi hỏi người đọc không chỉ cảm nhận khung cảnh bằng thị giác, mà cần sự tích hợp đồng thời của nhiều giác quan: khứu giác (hương thơm man mác), thính giác (thoang thoảng như tiếng hát). Cảnh đầm sen dưới trăng là một hình ảnh khách quan (có thể quan sát và cảm nhận bằng các giác quan) được lồng ghép với tư duy chủ quan của tác giả, tạo nên khoái cảm thưởng thức cái đẹp nơi người đọc (liên quan đến cảm xúc).

Một số khảo sát về tín hiệu thị giác trên đây trong *Trăng sáng trên đầm sen* đã mở rộng khả năng giải đọc văn bản. Có thể thấy, việc sử dụng hợp lý các thủ pháp như ẩn dụ, nhân cách hóa, phép tu từ đồng cảm đã mang lại cho tác phẩm vẻ đẹp sống động, quyến rũ. Đồng thời, triết lý thâm mỹ của tác giả cũng được thể hiện một cách tinh tế.

4. Kết luận

Trăng sáng trên đầm sen dù được viết cách đây gần một thế kỉ, nhưng cho đến nay vẫn khơi mở nhiều cách hiểu, nhiều cách lí giải khác nhau. Đọc tác phẩm này dưới góc nhìn văn hóa theo chúng tôi không chỉ khai thác được các hàm nghĩa ẩn tàng dưới lớp vỏ ngôn ngữ mà còn giúp trau dồi năng lực thẩm mỹ và hiểu biết văn hóa cho học sinh. “Bồi văn hóa và văn học vốn có quan hệ vô cùng mật thiết. Văn học vừa là một bộ phận của văn hóa vừa là một trong những phương thức truyền đạt và bảo tồn văn hóa. Người nghệ sĩ, dù ở thời đại nào, dù viết về bất cứ vấn đề gì và bằng cách thức như thế nào thì cũng thể hiện những nét văn hóa của dân tộc mình” [18, tr.207]. Cách tiếp cận được đề xuất trong bài viết này sẽ tiếp tục gợi mở cho chúng tôi ý tưởng và phương pháp trong những nghiên cứu cũng như thực hành giảng dạy văn học, văn hóa Trung Quốc về sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] Z. Z. Qing, “Moonlight over the Lotus Pond (excerpt),” (translated by Ngọc Anh), In *Literature Textbook for Grade 11*, vol. 1, The Horizon of Creativity series, Vietnam Education Publishing House, 2023, pp. 21-22.
- [2] D. Yue, “Comments on the Controversy in the Interpretation of *Moonlight over the Lotus Pond*,” 2019. [Online]. Available: fx361.com [Accessed March 10, 2024].
- [3] C. J. Yi, “Recreating the Beauty of Nature in *Moonlight over the Lotus Pond*,” 2022. [Online]. Available: fx361.com. [Accessed March 10, 2024].
- [4] Xu. Z. Hua and B. J. Xia, “An Appreciation of the Artistic Beauty of Zhu Ziqing's *Moonlight over the Lotus Pond*,” *Thinking & Wisdom Journals*, no. 4, pp. 10-11, 2024.
- [5] Z. X. Juan, “Analysis and Extension of the 'Moon' Imagery in *Moonlight over the Lotus Pond*,” *Exam Journal*, no. 9, pp. 27-28, 2020.
- [6] H. J. Fen, “Wonderful Realm of Unity between Heaven, Earth and Man Taking Reading *Moonlight over the Lotus Pond* as an Example,” *Friends of Chinese Language Teaching Journals*, no. 11, pp. 29-31, 2023.
- [7] W. Xin, “The Image of the Moon in Traditional Chinese Culture,” 2022. [Online]. Available: people.com.cn. [Accessed March 10, 2024].
- [8] W. Shi and W. Zhong, “An Analysis of the Moon Image in Chinese and Western Cultures from the Perspective of Associative Meaning,” *Sch. Int. J. Linguist. Lit.*, vol. 4, no. 12, pp. 378-381, 2021, doi: 10.36348/sijll.2021.v04i12.002.
- [9] D. Shi and J. An, “A Comparative Study on Moon Imagery in Chinese and Western Classical Poetry,” *Advances in Social Science, Education and Humanities Research*, vol. 615, no. 1, pp. 576-582, 2022, doi: 10.2991/assehr.k.211220.097.
- [10] W. Minghua, “An Appreciation of the Translation of *Moonlight over the Lotus Pond* from Stylistic Perspective,” *Frontiers in Educational Research*, vol. 6, no. 19, pp. 138-142, 2023, doi: 10.25236/FER.2023.061924.
- [11] H. Lu and G. Wencheng, “Comparative Analysis of Two English Translations of *Moonlight over the Lotus Pond*” from the Perspective of Functional Equivalence,” *US-China Foreign Language*, vol. 21, no. 8, pp. 326-331, 2023, doi: 10.17265/1539-8080/2023.08.007.

²Phép tu từ đồng cảm (通感修辞手法), tương ứng với thuật ngữ transception trong tiếng Anh, được hiểu là cách thức sử dụng ngôn ngữ tượng hình để truyền cảm xúc khi mô tả sự vật khách quan, đồng thời để giao tiếp, đan xen, chuyển giao và biến đổi các giác quan khác nhau của con người như thính giác, thị giác, khứu giác, vị giác, xúc giác, v.v. làm cho hình ảnh trở nên sinh động và mới lạ hơn.

-
- [12] C. Shunyi, "The faithfulness of literary translation: A case study of seven translations of *Moonlight over the Lotus Pond*," *Chinese Translators Journal*, vol. 42, no. 5, pp. 158-165, 2021.
- [13] C. X. Ping, "A discussion on the strategies of teaching Chinese prose in high school: taking the teaching of *Moonlight over the Lotus Pond* as an example," *Friends of Chinese Language Teaching Journals*, no. 4, pp. 24-26, 2024.
- [14] W. Minghua, "An Appreciation of the Translation of *Moonlight over the Lotus Pond* from Stylistic Perspective," *Frontiers in Educational Research*, vol. 6, no. 19, pp. 138-142, 2023, doi: 10.25236/FER.2023.061924.
- [15] J. Chevalier and A. Gheerbrant, *A Dictionary of Symbols*, V. C. Pham, chief editor. Da Nang Publishing House, 2002.
- [16] I. M. Lotman, *Cultural Semiotics*, translated by L. Nguyen, H. P. Do, D. S. Tran. National University Press, Hanoi, 2015.
- [17] B. D. Trinh, *From Sign to Symbol*. Social Sciences Publishing House, Hanoi, 2017.
- [18] L. C. Nguyen, "Reading the Portrait of a Young Artist by James Joyce from a Cultural Perspective," in *From Sign to Symbol*, B. D. Trinh (Ed.), Social Sciences Publishing House, Hanoi, 2017, pp. 207-222.
- [19] R. Jakobson, "On the Issue of Visual and Auditory Signals," in *From Sign to Symbol*, B. D. Trinh (Ed.), Social Sciences Publishing House, Hanoi, 2017, pp. 345-350.